

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1280/2017/HN-ST

Ngày 27-9-2017

V/v tranh chấp cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mây

2. Bà Võ Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 520/2017/TLST-DS ngày 09/5/2017 “Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/QĐXXST-HN ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm: 1970;

(Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Thường trú: Số A, ngõ B, đường TC, phường PM, quận ĐĐ, TP.HN; Trú tại: Số C, tổ D, phường ĐC, quận HM, TP.HN.

- Bị đơn: Ông Lê Bá T, sinh năm: 1978 (Có mặt);

Thường trú: Thôn L, xã Q, huyện QX, tỉnh TH; Trú tại: Số X, tổ Y, khu phố Z, phường TX, Quận 12, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/4/2017 và đơn đề nghị ngày 16/8/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị Minh L là nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/01/2017, bà Nguyễn Thị Minh L và ông Lê Bá T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 40/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Quyết

định này, bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục 02 (hai) con chung là trẻ Lê BT, sinh ngày 30/10/2016 và trẻ Lê Nguyễn BN, sinh ngày 18/4/2008. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Tuy nhiên, đến thời điểm này, bản thân nguyên đơn hiện đang đi làm công với mức thu nhập thấp. Trong khi, nhu cầu tối thiểu (bao gồm chi phí học hành, ăn uống, sinh hoạt ...) của các trẻ BT và BN ngày càng tăng, nguyên đơn nhận thấy không đủ điều kiện kinh tế để đảm bảo cho các nhu cầu tối thiểu này của các trẻ nếu không có sự cấp dưỡng nuôi con chung từ phía người cha là ông Lê Bá T. Nguyên đơn yêu cầu ông Lê Bá T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Lê BT và Lê Nguyễn BN số tiền là 5.025.000 đồng/01tháng/01 con, cụ thể là: Tiền thuê nhà: 3.500.000 đồng/01 tháng; Tiền học và tiền bán trú: 4.000.000 đồng/01 tháng/ 02 con; Tiền sinh hoạt ăn uống và các khoản chi phí khác: 3.000.000 đồng/01 tháng/02 con. Tổng cộng là 10.500.000 đồng/01tháng/02 con.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, do phải ổn định việc ăn ở, sinh hoạt và học tập của các con cũng như công việc của bản thân, vì khoảng cách địa lý và thời gian bị hạn chế nên nguyên đơn đã gửi đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt bà. Do nguyên đơn vắng mặt, vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại bản khai ngày 25/8/2017, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25/8/2017 và tại phiên tòa, bị đơn, ông Lê Bá T trình bày:

Bị đơn hiện đang công tác tại Trường ĐH.M TP.HCM, là giảng viên hạng III, viên chức loại A1, mã số: V.07.01.03, ngạch bậc lương 4/9, hệ số lương: 3,33 theo Quyết định về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy số 109/QĐ-ĐH.M TP.HCM, ngày 05/9/2016 của Trường ĐH.M TP.HCM. Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu cấp dưỡng như nêu trên của nguyên đơn; Lý do là: Nguyên đơn thường xuyên gửi tin nhắn nhục mạ ông, đồng thời, số tiền yêu cầu cấp dưỡng 10.500.000 đồng/01 tháng/02 con (mỗi con 5.025.000 đồng/tháng) của nguyên đơn quá cao so với mức lương hiện tại 6.493.500 đồng/ tháng của ông. Số tiền yêu cầu này bao gồm cả tiền thuê nhà, bà L yêu cầu ông phải chịu toàn bộ là vô lý. Vì vậy, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con bất cứ khoản nào theo yêu cầu của bà L. Đồng thời, ông có ý kiến sẽ yêu cầu thay đổi quyền trực tiếp nuôi con trong một vụ án khác tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền, vì bà L cố ý ngăn cản quyền

trực tiếp thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông đối với các con chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc:

- Tuân theo pháp luật tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án;

- Giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nên đây là “Tranh chấp về cấp dưỡng”, bị đơn có địa chỉ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu cấp dưỡng: Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Minh L được giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hai bên thỏa thuận ông Lê Bá T tạm thời không cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, do việc nuôi con một mình với mức thu nhập chưa ổn định của bà L chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu cơ bản về đời sống vật chất của các trẻ. Vì vậy, việc bà L yêu cầu ông T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là yêu cầu chính đáng, bởi việc cấp dưỡng cho con chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền của bậc làm cha, mẹ để giành cho con những gì tốt đẹp nhất. Thông qua việc cấp dưỡng cho con sẽ tạo điều kiện cho sự gắn kết, củng cố tình cảm giữa cha mẹ và con cái. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên là có căn cứ, phù hợp pháp luật và bảo đảm quyền lợi cho các trẻ.

Về mức cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện và đơn đề nghị đề ngày 31/7/2017 (công văn đến ngày 16/8/2017) thì bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng cho 02 (hai) con số tiền 10.500.000 đồng/01 tháng (tức là: 5.025.000 đồng/tháng/01 con)

đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng không chứng minh được thu nhập và tài sản của ông T và có yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T phản đối không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà L vì yêu cầu này quá cao so với mức thu nhập hiện tại của ông. Đồng thời, ông có ý kiến đề nghị nếu bà L thấy khó khăn thì giao lại 02 con chung là trẻ BT và trẻ BN cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông sẽ không yêu cầu bà L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của bị đơn không cùng với yêu cầu của nguyên đơn. Nếu bị đơn có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án thì phải thực hiện thủ tục phản tố và cung cấp chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; hoặc khởi kiện bằng vụ án khác. Ông T xác định sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác nên Tòa án không xem xét đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con trong vụ án.

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 21/8/2017 về mức thu nhập hàng tháng của ông Lê Bá T do Trường ĐH.M TP.HCM cung cấp: Mức lương hiện tại của ông T cụ thể:

+ Lương tối thiểu 1.300.000 đồng x hệ số lương 3.33% = 4.329.000 đồng;

+ Phụ cấp 50% mức lương chính = 2.164.500 đồng.

Tổng thu nhập bình quân hàng tháng là: 6.493.500 đồng (Sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn năm trăm đồng)/ tháng.

Căn cứ vào thu nhập thực tế của ông T và hoàn cảnh hiện tại ông T đang sống độc thân, có công việc ổn định cũng như nhu cầu thiết yếu của các con chung hiện đang sinh sống tại quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cùng với bà L thì việc xác định mức cấp dưỡng hợp lý là cần thiết; Tuy nhiên, cũng cần đảm bảo mức sống tối thiểu của cá nhân ông T tại Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy, có căn cứ xác định mức cấp dưỡng mà ông T phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng/01 trẻ lần lượt cho đến khi 02 trẻ BT và BN đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch, nên theo quy định tại Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án, toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bị đơn phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 94, 147, 150, 203, 207, 208, 220, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 82, 83, 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Lê Bá T phải cấp dưỡng cho 02 (hai) con chung là trẻ Lê BT, sinh ngày 30/10/2016 và trẻ Lê Nguyễn BN, sinh ngày 18/4/2008 định kỳ hàng tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 trẻ. Tổng cộng: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/01 tháng/02 trẻ, lần lượt cho đến khi 02 trẻ BT và trẻ BN đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng cho con vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 10/2017. Việc thực hiện cấp dưỡng nuôi con được tính từ khi bà Nguyễn Thị Minh L có đơn yêu cầu tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì quyền lợi mọi mặt của các con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

[2] Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Bá T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kì hàng tháng nên ông T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Nghĩa vụ thi hành án:

- Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải thực hiện cho người được thi hành án) cho đến khi thi án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương đương với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 19 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án theo các Điều 7,30,31 và 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND TP.HCM
- VKSND Q.12
- Chi Cục THADS Q.12
- Các đương sự
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thu Hiền